TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/KDTM-PT
Ngày: 28-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLPT-KDTM, ngày 25 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 35/2017/KDTM-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐ-PT, ngày 05 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 21/2018/QĐ-PT, ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần B); địa chỉ: phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ. Bà H ủy quyền lại cho bà Dương Thị Hải L; địa chỉ: phường U, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2017).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn E; địa chỉ: xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn D - Chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1945; địa chỉ: phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công T, sinh năm 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2013).

3.2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K, sinh năm 1986; địa chỉ: phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Bà Phạm Thị Thu T1; địa chỉ: xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1974;

3.5. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

3.6. Ông Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1970;

3.7. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

3.8. Ông Nguyễn Quốc K1, sinh năm 1970;

3.9. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K, ông Nguyễn Xuân T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị H1.

(Bà Dương Thị Hải L, ông Đinh Công T, ông Nguyễn Xuân T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quốc K1, bà Nguyễn Thị H1 có mặt; ông Đinh Văn D, bà Phạm Thị Thu T1 và bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/8/2012, ngày 05/10/2012, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị Hải L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/11/2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn E (sau đây gọi tắt là Công ty E) và Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) ký hợp đồng tín dụng số: HM11/0079/LBT. Theo nội dung hợp đồng, Công ty E vay của Ngân hàng A số tiền 1.500.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 19/11/2011 đến ngày 19/5/2012), lãi suất vay 21,4%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, tiền gốc trả cuối kỳ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán than cám, than cục.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản tiền vay trên gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích 284,2m^2, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 28, tại phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 631453 do UBND thành phố M cấp ngày 05/8/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ H1.

- Quyền sử dụng đất đối với diện tích 204m^2, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 do UBND huyện F cấp ngày 21/5/2008 đứng tên ông Đinh Long H2 và bà Phạm Kiều Mỹ D1 (ông bà Đinh Long H2 chuyển nhượng cho ông Đinh Văn D theo hợp đồng số 225 ngày 19/5/2008).

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty E số tiền 1.500.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 19/11/2011. Tính đến ngày 02/07/2015, Công ty E thanh toán được số tiền 821.975.262đ (trong đó nợ gốc là 468.498.200đ và nợ lãi là 353.477.062đ).

Công ty E không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi đến hạn cho Ngân hàng A. Tính đến hết ngày 18/07/2017, Công ty E còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 2.230.612.973đ (trong đó tiền gốc là 1.031.501.800đ, tiền lãi trong hạn là 133.771.175đ và tiền lãi quá hạn là 1.065.339.998đ).

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu:

- Công ty E thanh toán tổng số tiền 2.230.612.973đ (trong đó nợ gốc là 1.031.501.800đ, nợ lãi trong hạn là 133.771.175đ và nợ lãi quá hạn là 1.065.339.998đ) và các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/07/2017 tương ứng với khoản nợ gốc và thời hạn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng số HM11/0079/LBT ngày 18/11/2011.

- Trường hợp Công ty E không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2013, ông Đinh Văn D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Công ty E có vay của Ngân hàng A số tiền 1.500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số: HM11/0079/LBT ngày 18/11/2011, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán than cám, than cục.

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty E, ông Đinh Văn D và bà Phạm Thị Thu T1 (vợ ông D) đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 204m^2, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 22, tại xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 ngày 21/5/2008; bà Nguyễn Thị Mỹ H1 đã thể chấp quyền sử dụng đất diện tích 284,2m^2, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 28, tại phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 631453 ngày 05/8/2008.

Công ty E kinh doanh gặp khó khăn nên không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng A. Tính đến ngày 06/3/2013, Công ty E còn nợ tổng số nợ gốc và lãi là 1.124.935.255đ (trong đó nợ gốc là 1.081.469.205đ, nợ lãi trong hạn là 28.977.367đ và nợ lãi quá hạn là 14.488.683đ).

Tại bản tự khai ngày 10/11/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 28, tại phường Y, thành phố M cho Ngân hàng A theo hợp đồng thế chấp số LBT11/0076/HĐBĐ1 ngày 18/11/2011 tại Văn phòng công chứng R. Nay Ngân hàng A yêu cầu phát mãi tài sản trên thì bà H1 không đồng ý vì bà H1 không biết ông Đinh Văn D và không biết ngân hàng giải ngân cho ông D bao nhiêu tiền.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Quốc K1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Quốc K1 là chủ sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 28, phường Y, thành phố M liền kề với thửa đất 171, tờ bản đồ 28, phường Y, thành phố M của bà Nguyễn Thị Mỹ H1. Thửa đất của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Quốc K1 với thửa đất của bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có chung 01 lối đi đã được Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố M xác nhận. Nay Ngân hàng A yêu cầu phát mãi tài sản của bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có liên quan đến lối đi chung thì bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Quốc K1 không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Quốc Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Quốc Q là chủ sử dụng thửa đất liền kề với thửa đất 171, tờ bản đồ 28, phường Y, thành phố M của bà Nguyễn Thị Mỹ H1. Thửa đất của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Quốc Q với thửa đất của bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có chung 01 lối đi đã được Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố M xác nhận. Nay Ngân hàng A yêu cầu phát mãi tài sản của bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có liên quan đến lối đi chung thì bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Quốc Q không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T2 trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T2 là chủ sử dụng thửa đất liền kề với thửa đất 171, tờ bản đồ 28, phường Y, thành phố M của bà Nguyễn Thị Mỹ H1. Thửa đất của ông Nguyễn Xuân T2 có 01 đường đi chung 04m cắt ngang thửa đất của bà Nguyễn Thị Mỹ H1 đã được Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố M xác nhận. Nay Ngân hàng A yêu cầu phát mãi tài sản của bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có liên quan đến lối đi chung, ông Nguyễn Xuân T2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K và bà Nguyễn Thị Mỹ L1:

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà Phạm Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đến Tòa án làm việc, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T1, bà K và bà L1 vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số: 35/2017/KDTM-ST ngày 18 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố M căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều

179 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 342, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 và Điều 715 Bộ luật Dân sự; Điều 54 Luật các Tổ chức tín dụng; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc Công ty E có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần B) số tiền gốc và lãi tổng cộng là 2.230.612.973đ (trong đó nợ gốc là 1.031.501.800đ và nợ lãi là 1.199.111.173đ).

Trường hợp Công ty E chậm thanh toán tiền thì phải chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/7/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Tài sản bảo đảm thi hành án là:

- Quyền sử dụng đất diện tích 284,2m^2, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 28, tại phường Y, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 631453 do UBND thành phố M cấp ngày 05/8/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ H1.

- Quyền sử dụng đất diện tích 204m^2, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 22, tại xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 do UBND huyện F cấp ngày 21/5/2008 đứng tên ông Đinh Long H2 và bà Phạm Kiều Mỹ D1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2017, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K, ông Nguyễn Xuân T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông Đinh Công T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Xuân T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị H1 giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Như vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K.

- Về xác định đương sự trong vụ án: Ông Đinh Văn D là chủ sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 204m^2, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 22, tại xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 ngày 21/5/2008 do UBND huyện F cấp cho ông Đinh Long H2 và bà Phạm Kiều Mỹ D1 đứng tên (ông bà Đinh Long H2 chuyển nhượng cho ông Đinh Văn D theo hợp đồng số 225 ngày 19/5/2008). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đinh Văn D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ sót tư cách tố tụng, dẫn đến không thi hành án được.

- Về thu thập chứng cứ: Tại khoản 5.1 Điều 5 hợp đồng tín dụng hạn mức số: HM11/0079/LBT ngày 18/11/2011 thể hiện tài sản bảo đảm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 do UBND huyện F cấp ngày 21/5/2008 cho ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Thu T1 nhưng tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LBT11/0076/HĐBĐ2 ngày 18/11/2011 đối với thửa đất trên thể hiện bên thế chấp là ông Đinh Văn D và bà Phạm Thị Thu T1. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định có sự khác nhau tên chủ sử dụng đất giữa hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là thu thập chứng cứ không đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Ông Đinh Văn D, bà Phạm Thị Thu T1 và bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T1, bà K và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Xuân T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị H1.

- Về xác định đương sự trong vụ án:

Ngày 18/11/2011, ông Đinh Văn D, bà Phạm Thị Thu T1 và Ngân hàng A ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LBT11/0076/HĐBĐ2. Theo nội dung hợp đồng, ông D và bà T1 thế chấp cho Ngân hàng A quyền sử dụng đất diện tích 204m^2, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 22, tại xã I, thành phố M, tỉnh Đồng Nai, thửa

đất này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 ngày 21/5/2008 do UBND huyện F cấp cho ông Đinh Long H2 và bà Phạm Kiều Mỹ D1 đứng tên (ông bà Đinh Long H2 chuyển nhượng cho ông Đinh Văn D theo hợp đồng số 225 ngày 19/5/2008) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty E. Do đó, việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và Công ty E liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Đinh Văn D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đinh Văn D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ sót tư cách tố tụng.

- Về thu thập chứng cứ:

Tại khoản 5.1 Điều 5 hợp đồng tín dụng hạn mức số: HM11/0079/LBT ngày 18/11/2011 thể hiện tài sản bảo đảm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 118593 do UBND huyện F cấp ngày 21/5/2008 cho ông Đinh Văn D và bà **Nguyễn Thị Thu T1** (BL 68) nhưng tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LBT11/0076/HĐBĐ2 ngày 18/11/2011 đối với thửa đất trên thể hiện bên thế chấp là ông Đinh Văn D và bà **Phạm Thị Thu T1** (BL84). Hội đồng xét xử xét Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để xác định vì sao có sự khác nhau tên chủ sử dụng đất giữa hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là thiếu sót.

- Về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục niêm yết văn bản tố tụng, cụ thể như sau:

+ Tại biên bản niêm yết ngày 21/10/2015 (BL 254, 255): Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết giấy triệu tập làm việc số 75/GTT ngày 15/10/2015 cho Công ty E tại trụ sở Công ty E và trụ sở Ủy ban nhân dân xã I, thành phố M nhưng không niêm yết tại trụ sở Tòa án.

+ Tại biên bản niêm yết ngày 21/10/2015 (BL 257, 258): Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết giấy triệu tập làm việc số 72/GTT ngày 15/10/2015 đối với ông Đinh Văn D và bà Phạm Thị Thu T1 tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã I, thành phố M nhưng không niêm yết tại trụ sở Tòa án; ngày niêm yết là 21/10/2015, triệu tập làm việc vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02/11/2015 là không đủ 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.

+ Tại biên bản niêm yết ngày 25/8/2017 (BL 490): Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết Thông báo kháng cáo số 103/2017/TB-KC ngày 17/8/2017 đối với Công ty E, ông Đinh Văn D, bà Phạm Thị Thu T1 tại trụ sở Tòa án; nhưng biên bản niêm yết tại trụ sở Công ty E và trụ sở Ủy ban nhân dân xã I, thành phố M không thể hiện niêm yết đối với Công ty E (BL 488, 489).

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: bỏ sót tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ, thủ tục niêm yết văn bản tố tụng không đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Xuân T2, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, ông Nguyễn Quốc Q, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị H1; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 35/2017/KDTM-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố M; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng Anh K số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số 002333 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đồng Nai).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân T2 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số 002334 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đồng Nai).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc K1 và bà Nguyễn Thị H1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số 002332 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đồng Nai).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc Q và bà Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số 002331 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đồng Nai).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa